

| | | | |
|---------------------------|-------------------|-------------|--------------|
| Ngày 28/06/2024 | 11,700 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 4.5% | 8.3% | 12.5% |

| | | |
|------------|-------------|--------------------------|
| | Q2/24 | |
| ROE | 9.6% | +/- YoY ▼ 5.2% |

| | | | |
|-----------------|-------------|-------------------|-------------------|
| | Q2/24 | | |
| DT thuần | 73.8 | QoQ | YoY |
| | | ▲ 19.4 ▲ 35.6% | ▲ 9.90 ▲ 15.5% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-----------------|------------|------------------|
| | 6T 2024 | |
| DT thuần | 128 | YoY |
| | | ▲ 11.0 ▲ 9.4% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|---------------|-------------|------------------|------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN gộp | 7.87 | QoQ | YoY |
| | | ▲ 4.24 ▲ 117% | ▲ 0.12 ▲ 1.5% |
| | tỷ VNĐ | | |

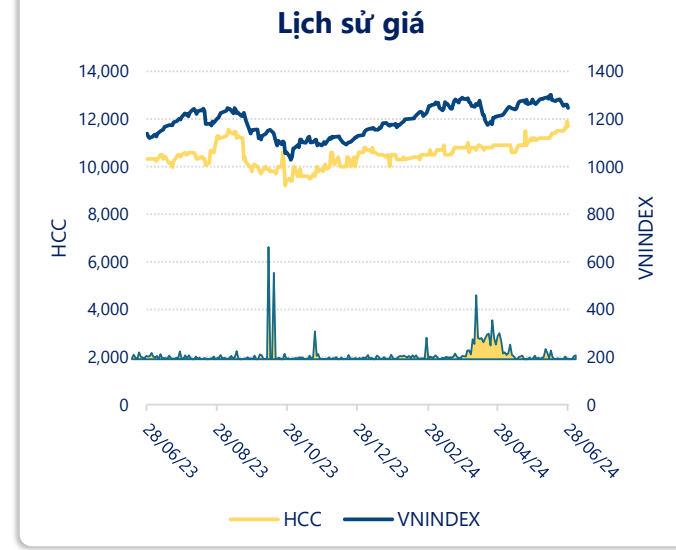
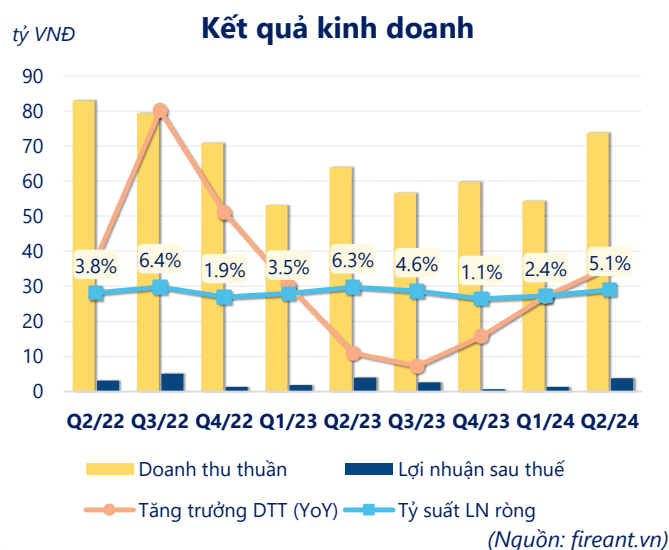
| | | |
|---------------|-------------|------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN gộp | 11.5 | YoY |
| | | ▼ 1.10 ▼ 9.0% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----------------|-------------|------------------|------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN thuần | 4.78 | QoQ | YoY |
| | | ▲ 2.89 ▲ 153% | ▼ 0.23 ▼ 4.6% |
| | tỷ VNĐ | | |

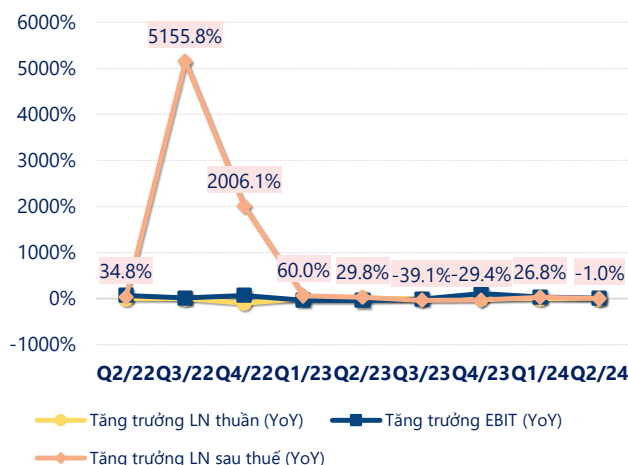
| | | |
|-----------------|-------------|------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN thuần | 6.66 | YoY |
| | | ▼ 0.67 ▼ 9.0% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------------------|-------------|------------------|------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN sau thuế | 3.77 | QoQ | YoY |
| | | ▲ 2.46 ▲ 188% | ▼ 0.23 ▼ 5.8% |
| | tỷ VNĐ | | |

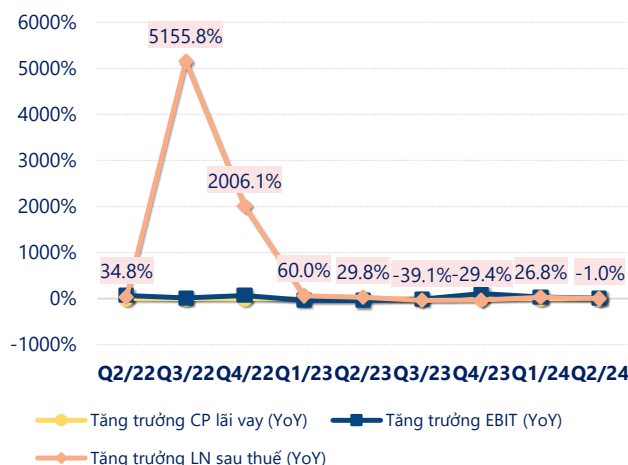
| | | |
|--------------------|-------------|-------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN sau thuế | 5.08 | YoY |
| | | ▼ 0.79 ▼ 13.4% |
| | tỷ VNĐ | |



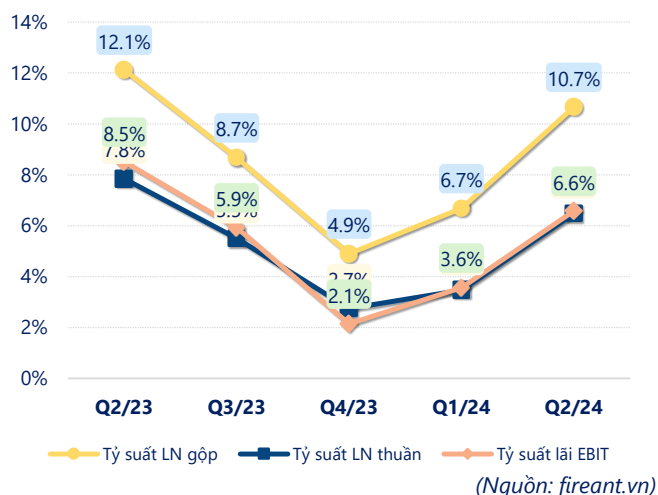
Tăng trưởng lợi nhuận



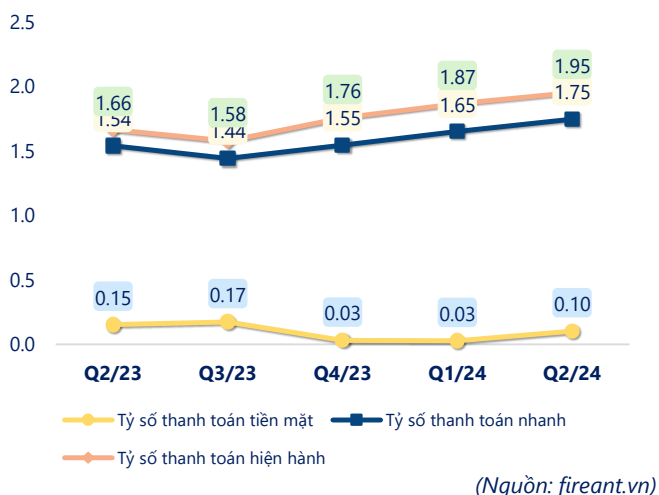
Tăng trưởng chi phí



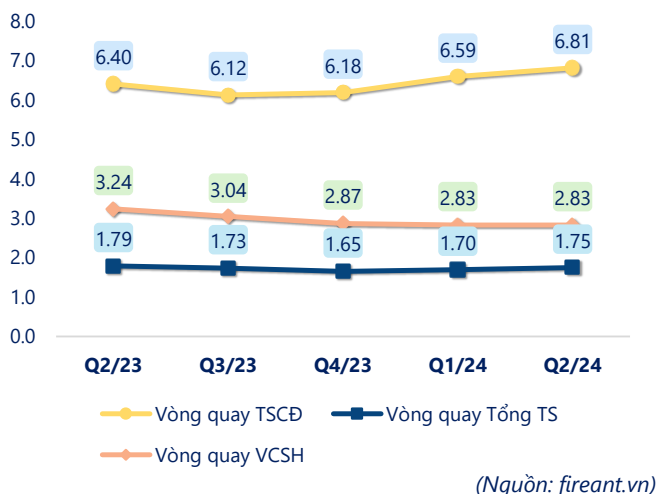
Tỷ suất lợi nhuận



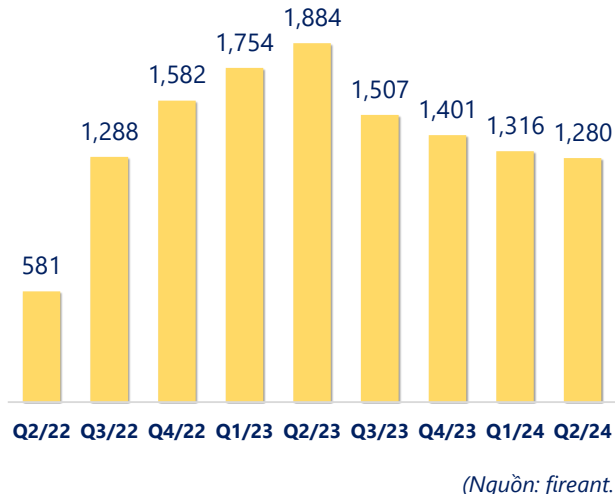
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q2/23 | Thay đổi YoY | 6T 2024 | 6T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 73.8 | 63.9 | 15.5% | 128 | 117 | 9.4% |
| Giá vốn hàng bán | 65.9 | 56.2 | 17.3% | 117 | 104 | 11.6% |
| Lợi nhuận gộp | 7.87 | 7.75 | 1.5% | 11.5 | 12.6 | -9.0% |
| Doanh thu HĐTC | 0.00 | 0.00 | | 0.00 | 0.00 | 53.7% |
| Chi phí TC | 0.27 | 0.70 | -61.6% | 0.55 | 1.29 | -57.3% |
| Chi phí lãi vay | 0.18 | 0.52 | -65.7% | 0.36 | 0.98 | -62.9% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí QLDN | 2.82 | 2.04 | 38.4% | 4.29 | 4.02 | 6.6% |
| LN thuần từ HĐKD | 4.78 | 5.01 | -4.6% | 6.66 | 7.33 | -9.0% |
| Lợi nhuận khác | -0.10 | -0.09 | -13.8% | -0.24 | -0.19 | -22.3% |
| LN trước thuế | 4.68 | 4.92 | -4.9% | 6.43 | 7.13 | -9.9% |
| Lợi nhuận sau thuế | 3.77 | 4.00 | -5.8% | 5.08 | 5.87 | -13.4% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 3.77 | 4.00 | -5.8% | 5.08 | 5.87 | -13.4% |

(Nguồn: fireant.vn)

